

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	5 – 37
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 37

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home trước đây là Công ty TNHH MTV G.Home, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500395568 ngày 20 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 11 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **144.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất đệm, chăn ga;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 37).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Nga	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Viện	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Trung	Ủy viên

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2016
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hách

Số : 27.01/2016/BCSX-TC2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home được lập ngày 11 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 / Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

Add: Room 12.8, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh Str.,
Dong Da Dist., Hanoi / Tel: (84-4) 3244.40.44
Fax: (84-4) 3244.40.45 / Email: info@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		232.136.205.563	194.437.786.357
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.407.203.143	816.948.157
1.	Tiền	111	V.01	1.407.203.143	816.948.157
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.000.000.000	3.000.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	3.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.741.379.045	101.845.563.268
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	82.816.328.981	84.524.360.890
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		28.726.695.465	9.068.552.295
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	7.198.354.599	8.252.650.083
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	106.404.120.643	85.924.731.170
1.	Hàng tồn kho	141		106.404.120.643	85.924.731.170
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.583.502.732	2.850.543.762
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	344.475.089	373.007.822
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.239.027.643	2.477.535.940
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		136.798.195.754	128.554.336.250
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.332.845.400	2.332.845.400
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	2.332.845.400	2.332.845.400
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		92.247.551.254	98.818.143.733
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	70.643.792.051	75.806.707.880
	- Nguyên giá	222		108.217.804.617	107.892.339.917
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37.574.012.566)	(32.085.632.037)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	21.603.759.203	23.011.435.853
	- Nguyên giá	225		23.652.466.363	23.652.466.363
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(2.048.707.160)	(641.030.510)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
	- Nguyên giá	228		48.554.000	48.554.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(48.554.000)	(48.554.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	4.838.955.251	4.679.475.464
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.838.955.251	4.679.475.464
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	33.959.238.556	18.279.238.556
1.	Đầu tư vào công ty con	251		18.279.238.556	18.279.238.556
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.680.000.000	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.419.605.293	4.444.633.097
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.419.605.293	4.444.633.097
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		368.934.401.317	322.992.122.607

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

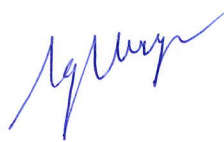
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		214.004.746.447	216.526.391.525
I.	Nợ ngắn hạn	310		178.932.114.793	172.940.329.771
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	24.851.763.405	22.595.485.838
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.656.843.928	4.124.307.666
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	8.453.852.879	6.611.489.120
4.	Phải trả người lao động	314		672.821.286	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	722.704.459	274.057.103
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	315.534.114	650.465.472
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.486.023.166	718.086.894
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	136.784.076.790	137.677.466.116
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		988.494.766	288.971.562
II.	Nợ dài hạn	330		35.072.631.654	43.586.061.754
6.	Doanh thu chưa thực hiện			-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	35.072.631.654	43.586.061.754
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.929.654.870	106.465.731.082
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	154.929.654.870	106.465.731.082
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	96.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	96.000.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.394.393.020	461.695.416
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.535.261.850	10.004.035.666
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		3.619.814.858	3.143.114.189
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.915.446.992	6.860.921.477
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		368.934.401.317	322.992.122.607

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trịnh Thị Luân

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Hách

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

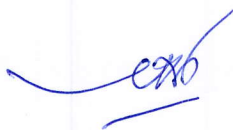
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	137.437.331.124	136.826.889.321
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		137.437.331.124	136.826.889.321
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	120.536.772.311	120.271.951.080
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.900.558.813	16.554.938.241
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	867.553.149	629.879.414
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	6.995.254.070	6.479.538.799
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.223.527.569	6.326.952.990
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	1.423.411.614	1.185.099.043
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	1.935.366.009	2.277.663.169
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.414.080.269	7.242.516.644
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	866.019	5.336.250
12.	Chi phí khác	32	VI.06	15.872.328	282.318.128
13.	Lợi nhuận khác	40		(15.006.309)	(276.981.878)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.399.073.960	6.965.534.766
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.483.626.968	1.594.527.637
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.915.446.992	5.371.007.129
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		Không áp dụng	Không áp dụng

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trịnh Thị Luân

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Hách

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		152.996.397.048	138.138.501.286
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(165.841.429.170)	(134.560.605.047)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.258.421.296)	(7.819.482.999)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(6.479.630.502)	(6.082.761.317)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	(325.783.232)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		984.766.689	6.001.225.691
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.381.782.209)	(315.678.848)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.980.099.440)	(4.964.584.466)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(159.479.787)	(1.339.363.636)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(54.000.000.000)	(13.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		54.000.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15.680.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		786.983.018	617.403.929
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.052.496.769)	(13.721.959.707)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		48.000.000.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		121.326.511.501	116.888.601.765
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(129.090.241.138)	(97.133.373.171)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.599.036.841)	(593.298.330)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		38.637.233.522	19.161.930.264
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		604.637.313	475.386.091
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		816.948.157	922.926.874
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14.382.327)	(986.426)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.407.203.143	1.397.326.539

Người lập biểu



Trịnh Thị Luân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương Huyền

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



 Nguyễn Hách

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất bông tằm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất đệm, chăn ga;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty con:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Texnam	Cụm Công nghiệp Lâm Thao, xã Hợp Hòa, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	95,00%	95,00%	95,00%

- Công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Golden Vtec	KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	49,00%	49,00%	0,00%

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2015.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao theo thời gian thuê trên hợp đồng thuê tài chính.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	631.462.255	736.383.724
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	775.740.888	80.564.433
Cộng	1.407.203.143	816.948.157

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng) (*)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PV Combank). Lãi suất trong kỳ là 5,54%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	18.279.238.556	-	18.279.238.556	18.279.238.556
+ Công ty Cổ phần Texnam (a)	18.279.238.556	-	18.279.238.556	18.279.238.556
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.680.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Golden Vtec (b)	15.680.000.000	-	-	-
Cộng	33.959.238.556	-	18.279.238.556	18.279.238.556

(a): Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600943070 ngày 28 tháng 07 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Texnam, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Texnam số tiền 34.200.000.000 VND, tương đương 95,00% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư 18.279.238.556 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 18.279.238.556 VND, tương đương 50,78% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Texnam là 15.920.761.444 VND.

(b): Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101800773 ngày 30 tháng 6 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNHH Golden Vtec, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Golden Vtec số tiền 15.680.000.000 VND, tương đương 49,00% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư 15.680.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	82.816.328.981	84.524.360.890
- Công ty Cổ phần May và XNK Sơn Tây	-	5.490.422.550
- Công ty Cổ phần Việt Đức Hà Nội	14.061.691.600	16.061.691.600
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	68.754.637.381	62.972.246.740
Cộng	82.816.328.981	84.524.360.890

04. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	7.198.354.599	-	8.252.650.083	-
- Tạm ứng	5.761.364.611	-	6.539.802.889	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	408.290.455	-
- Phải thu khác	1.436.989.988	-	1.304.556.739	-
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	1.436.989.988	-	1.304.556.739	-
b. Dài hạn	2.332.845.400	-	2.332.845.400	-
- Ký cược, ký quỹ	2.332.845.400	-	2.332.845.400	-
Cộng	9.531.199.999	-	10.585.495.483	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	52.651.941.095	-	48.492.937.938	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.104.759.125	-	1.025.680.910	-
- Thành phẩm	17.974.751.766	-	3.921.011.345	-
- Hàng hoá	26.122.899.130	-	13.519.964.253	-
- Hàng gửi bán	8.549.769.527	-	18.965.136.724	-
Cộng	106.404.120.643	-	85.924.731.170	-

06. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	4.838.955.251	4.679.475.464
+ Công trình Nhà điều hành	4.838.955.251	4.679.475.464
Cộng	4.838.955.251	4.679.475.464

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tãng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	28.138.251.816	75.977.286.285	3.776.801.816	107.892.339.917
- Mua trong kỳ	-	325.464.700	-	325.464.700
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	28.138.251.816	76.302.750.985	3.776.801.816	108.217.804.617
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.844.367.487	26.923.253.949	1.318.010.601	32.085.632.037
- Khấu hao trong kỳ	619.707.476	4.598.901.491	269.771.562	5.488.380.529
- Tặng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.464.074.963	31.522.155.440	1.587.782.163	37.574.012.566
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	24.293.884.329	49.054.032.336	2.458.791.215	75.806.707.880
2. Tại ngày cuối kỳ	23.674.176.853	44.780.595.545	2.189.019.653	70.643.792.051

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 189.053.673 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 58.086.046.019 VND và 35.728.572.843 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	23.652.466.363	23.652.466.363
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	23.652.466.363	23.652.466.363
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	641.030.510	641.030.510
- Khấu hao trong kỳ	1.407.676.650	1.407.676.650
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	2.048.707.160	2.048.707.160
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	23.011.435.853	23.011.435.853
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	21.603.759.203	21.603.759.203

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	48.554.000	48.554.000
- Mua trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	48.554.000	48.554.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	48.554.000	48.554.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	48.554.000	48.554.000
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	344.475.089	373.007.822
- Chi phí bảo hiểm, bảo trì đường bộ	251.271.057	185.935.884
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	93.204.032	187.071.938
b. Dài hạn	3.419.605.293	4.444.633.097
- Chi phí giải phóng mặt bằng	2.365.574.384	2.393.404.670
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.054.030.909	2.051.228.427
Cộng	3.764.080.382	4.817.640.919

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	137.677.466.116	137.677.466.116	129.841.901.229	130.735.290.555	136.784.076.790	136.784.076.790
- Vay ngân hàng ngắn hạn	119.901.013.041	119.901.013.041	121.326.511.501	121.458.363.041	119.769.161.501	119.769.161.501
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công ^(a)	47.508.549.991	47.508.549.991	49.139.969.960	49.420.899.991	47.227.619.960	47.227.619.960
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng VN - CN Đống Đa ^(b)	22.416.320.676	22.416.320.676	22.424.000.000	22.061.320.676	22.779.000.000	22.779.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(c)	49.976.142.374	49.976.142.374	49.762.541.541	49.976.142.374	49.762.541.541	49.762.541.541
- Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	14.443.906.200	14.443.906.200	6.782.463.897	7.654.252.697	13.572.117.400	13.572.117.400
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (VND)	1.702.735.000	1.702.735.000	800.180.000	868.430.000	1.634.485.000	1.634.485.000
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD)	1.510.411.200	1.510.411.200	756.127.400	767.859.400	1.498.679.200	1.498.679.200
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính	11.092.760.000	11.092.760.000	5.157.156.497	5.948.963.297	10.300.953.200	10.300.953.200
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng VN - CN Đống Đa	138.000.000	138.000.000	69.000.000	69.000.000	138.000.000	138.000.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả nợ thuê tài chính	3.332.546.875	3.332.546.875	1.732.925.831	1.622.674.817	3.442.797.889	3.442.797.889
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND)	2.589.013.358	2.589.013.358	1.383.483.551	1.266.643.571	2.705.853.338	2.705.853.338
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)	743.533.517	743.533.517	349.442.280	356.031.246	736.944.551	736.944.551
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	43.586.061.754	43.586.061.754	1.959.628	8.515.389.728	35.072.631.654	35.072.631.654
b.1 Vay dài hạn	43.586.061.754	43.586.061.754	1.959.628	8.515.389.728	35.072.631.654	35.072.631.654
Từ 1 năm đến 5 năm	43.586.061.754	43.586.061.754	1.959.628	8.515.389.728	35.072.631.654	35.072.631.654
Vay ngân hàng	29.220.800.434	29.220.800.434	921.800	6.782.463.897	22.439.258.337	22.439.258.337

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (VND) ^(d)	4.133.142.500	4.133.142.500	-	800.180.000	3.332.962.500	3.332.962.500
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (USD) ^(e)	755.205.600	755.205.600	921.800	756.127.400	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(f)	24.000.952.334	24.000.952.334	-	5.157.156.497	18.843.795.837	18.843.795.837
+ NH TMCP Đại chúng VN - CN Đồng Đa ^(g)	331.500.000	331.500.000	-	69.000.000	262.500.000	262.500.000
Vay đối tượng khác	14.365.261.320	14.365.261.320	1.037.828	1.732.925.831	12.633.373.317	12.633.373.317
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND) ^(h)	12.635.181.081	12.635.181.081	-	1.383.483.551	11.251.697.530	11.251.697.530
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD) ^(k)	1.730.080.239	1.730.080.239	1.037.828	349.442.280	1.381.675.787	1.381.675.787
Cộng	181.263.527.870	181.263.527.870	129.843.860.857	139.250.680.283	171.856.708.444	171.856.708.444

Chi tiết số dư vay ngoại tệ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Vay ngắn hạn		
- Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả		
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD)	33.520,00	67.040,00
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả		
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)	30.907,00	30.173,00
b. Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng		
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD)	-	33.520,00
- Nợ thuê tài chính		
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)	63.928,29	79.570,29
Cộng	128.355,29	210.303,29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- a): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 37.15.058.946980 ngày 21 tháng 7 năm 2015 với giá trị hạn mức: Tối đa tại mọi thời điểm là 65.000.000.000 đồng (trong đó dư nợ tối đa 50.000.000 đồng). Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh chăn, ga gối đệm, bông xơ của khách hàng. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 04 bất động sản của bên thứ ba, hàng tồn kho và một số máy móc thiết bị của Công ty.
- b): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐHMTD-TCKT-04/2015/PVCOMBANK-GHOME ngày 14 tháng 5 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động; lãi suất cho vay được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi do Ngân hàng phát hành trị giá 3.000.000.000 đồng, thế chấp quyền đòi nợ từ 06 đối tác nước ngoài, thế chấp hàng hóa đã được giao cho đối tác trung gian, chưa chuyển bộ chứng từ gốc cho đối tác nhập khẩu và thế chấp hàng tồn kho luân chuyển đối với các mặt hàng xơ nguyên liệu và bông thành phẩm tại tất cả các kho hàng (trừ hàng hóa là mặt hàng bông, đệm đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Quân đội).
- c): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 150027/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 02 tháng 02 năm 2015, với hạn mức 50.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động và Hợp đồng cấp tín dụng số 160042/HĐTDK/VCB-DMGH ngày 04 tháng 5 năm 2016 với hạn mức 50.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động; lãi suất từ 7%/năm đến 8%/năm.
- d): Là khoản vay VND theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 76.12.058.946980.TD ngày 05 tháng 10 năm 2012 để thanh toán một phần tiền mua máy móc, thiết bị của BUKYUNG và thanh toán một phần tiền mua 1 xe tải thùng nhãn hiệu THACO-TMB; lãi suất từ 10%/năm - 11%/năm.
- e): Là khoản vay USD theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 33.12.058.946980.TD ngày 27 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng số 34.12.058.946980.TD ngày 16 tháng 5 năm 2012 để thanh toán một phần hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất đệm bông ép do Hàn Quốc sản xuất; lãi suất 9%/năm. Số dư nợ gốc vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 33.520 USD.
- f): Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 01G.HOME/2010/ĐTDA-SGD ngày 24 tháng 5 năm 2010, số 02/TH-2013/MTV/GHOME-KH ngày 20 tháng 9 năm 2013 và số 01.2013/MTV/GHOME-KH ngày 11 tháng 3 năm 2013 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất đệm lò xo bông tám, nhập khẩu máy móc và mua ô tô; lãi suất từ 8,8%/năm đến 11,1%/năm.
- g): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HĐCV-TCKT-02/2015/PVCOMBANK-GHOME ngày 14 tháng 5 năm 2015 để thanh toán một phần mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất theo quy định của PVCOMBANK tại thời điểm giải ngân và có sự điều chỉnh 03 tháng một lần. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ khoản vay.
- h): Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00126-000 ngày 31 tháng 7 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 60 tháng. Lãi suất thuê là 8,5%/năm tính trên số dư gốc thuê (Lãi suất có thể điều chỉnh được trong suốt thời gian thuê).
- k): Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00029-000 ngày 26 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 48 tháng. Lãi suất thuê là 4,66%/năm tính trên gốc thuê theo nguyên tệ (USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn	Kỳ này		Kỳ trước		Đơn vị tính: VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	
Trên 1 năm đến 5 năm	2.327.425.106	704.750.289	2.906.620.080	264.351.360	2.642.268.720
Cộng	2.327.425.106	704.750.289	2.906.620.080	264.351.360	2.642.268.720

12. Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Shinhan Vina	24.851.763.405	23.705.045.965	22.595.485.838	15.857.346.348
- HUVIS CORPORATION	2.193.410.997	2.193.410.997	2.198.546.097	2.198.546.097
- Iwon International INC	3.674.817.733	4.059.556.933	825.318.960	825.318.960
- Guangxi Candenly Import And Export Co., LTD	2.313.742.500	2.313.742.500	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	3.241.475.000	3.241.475.000	3.266.850.000	3.266.850.000
Cộng	13.428.317.175	11.896.860.535	16.304.770.781	9.566.631.291
	24.851.763.405	23.705.045.965	22.595.485.838	15.857.346.348

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.627.036.739	284.354.500	-	151.921.251	-	-	-	1.759.469.988	
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	144.203.985	193.479.376	-	10.375.834	-	-	-	327.307.527	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.677.109.607	1.483.626.968	-	-	-	-	-	6.160.736.575	
- Thuế thu nhập cá nhân	-	163.138.789	43.200.000	-	-	-	-	-	206.338.789	
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	
Cộng	-	6.611.489.120	2.007.660.844	165.297.085	165.297.085	-	-	-	8.453.852.879	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<u>722.704.459</u>	<u>274.057.103</u>
- Chi phí lãi vay	722.704.459	274.057.103
Cộng	<u>722.704.459</u>	<u>274.057.103</u>

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<u>4.486.023.166</u>	<u>718.086.894</u>
- Bảo hiểm xã hội	166.023.166	718.086.894
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.320.000.000	-
Cộng	<u>4.486.023.166</u>	<u>718.086.894</u>

16. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<u>315.534.114</u>	<u>650.465.472</u>
- Doanh thu nhận trước	315.534.114	650.465.472
Cộng	<u>315.534.114</u>	<u>650.465.472</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	96.000.000.000	-	4.297.352.729	100.297.352.729
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	11.660.361.842	11.660.361.842
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	461.695.416	(5.953.678.905)	(5.491.983.489)
Số dư cuối năm trước	96.000.000.000	461.695.416	10.004.035.666	106.465.731.082
Số dư đầu năm nay	96.000.000.000	461.695.416	10.004.035.666	106.465.731.082
Tăng vốn trong kỳ này	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	5.915.446.992	5.915.446.992
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này (*)	-	932.697.604	(6.384.220.808)	(5.451.523.204)
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	144.000.000.000	1.394.393.020	9.535.261.850	154.929.654.870

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần đầu tư Dệt may G.Home ngày 28 tháng 4 năm 2016.

	Số tiền
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	932.697.604
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	699.523.204
Chi trả cổ tức	4.320.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	432.000.000
Cộng	6.384.220.808

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của các cổ đông khác:	144.000.000.000	100%	96.000.000.000	100%
+ Công ty CP Tập đoàn G.Home	36.000.000.000	25,0%	36.000.000.000	37,5%
+ Bà Trần Thị Kiều Nga	26.700.000.000	18,5%	26.700.000.000	27,8%
+ Các đối tượng khác	81.300.000.000	56,5%	33.300.000.000	34,7%
Cộng	144.000.000.000	100%	96.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	96.000.000.000	96.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	48.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	144.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.320.000.000	288.559.635

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.400.000	9.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.394.393.020	461.695.416
Cộng	1.394.393.020	461.695.416

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại		Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD		1.654,02	1.556,81

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Doanh thu bán hàng hóa	19.967.960.540	44.671.968.878
Doanh thu bán thành phẩm	115.994.439.226	86.397.272.765
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.474.931.358	5.757.647.678
Cộng	137.437.331.124	136.826.889.321

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	510.000.000	312.000.000
+ Cho thuê máy móc	510.000.000	312.000.000
- Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.Home	3.564.165.000	-
+ Bán hàng	3.564.165.000	-
Cộng	4.074.165.000	312.000.000

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.139.555.258	39.670.528.609
Giá vốn của thành phẩm đã bán	101.358.690.727	74.900.150.963
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.038.526.326	5.701.271.508
Cộng	120.536.772.311	120.271.951.080

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	786.983.018	614.070.929
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	80.548.007	15.808.485
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	22.124	-
Cộng	867.553.149	629.879.414

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lãi tiền vay	6.223.527.569	6.326.952.990
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	66.976.212	125.934.973
- Lãi thuê tài chính	704.750.289	26.650.836
Cộng	6.995.254.070	6.479.538.799

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Các khoản khác	866.019	5.336.250
Cộng	866.019	5.336.250

06. Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Các khoản bị phạt	15.554.872	57.073.397
- Các khoản khác	317.456	225.244.731
Cộng	15.872.328	282.318.128

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	1.935.366.009	2.277.663.169
- Chi phí nhân viên quản lý	748.268.528	1.152.887.963
- Chi phí vật liệu quản lý	63.762.073	133.897.336
- Chi phí đồ dùng văn phòng	21.990.088	13.000.905
- Chi phí khấu hao TSCĐ	69.127.068	56.457.948
- Thuế, phí và lệ phí	158.485.743	27.100.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	705.342.925	618.667.758
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	168.389.584	275.651.259
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.423.411.614	1.185.099.043
- Chi phí nhân viên	364.612.802	136.943.077
- Chi phí vật liệu, bao bì	426.388.975	497.068.639
- Chi phí khấu hao TSCĐ	269.771.562	230.444.442
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.276.794	297.328.955
- Các khoản chi phí bán hàng khác	49.361.481	23.313.930
Cộng	3.358.777.623	3.462.762.212

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	1.483.626.968	1.594.527.637
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.483.626.968	1.594.527.637

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.399.073.960	6.965.534.766
Các khoản điều chỉnh tăng	19.060.880	282.318.128
Chi phí phạt chậm nộp	15.872.328	57.073.397
Chi phí thuế GTGT không được hoàn	-	215.434.762
Chi phí không có hóa đơn chứng từ	-	9.809.969
Các khoản khác	3.188.552	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	7.418.134.840	7.247.852.894
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.483.626.968	1.594.527.637

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.810.006.753	68.922.251.805
- Chi phí nhân công	4.318.269.887	8.258.762.598
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.896.057.179	5.114.542.102
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.787.831.370	3.843.135.255
- Chi phí khác bằng tiền	1.661.280.926	316.214.634
Cộng	109.473.446.1155	86.454.906.394

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.	-	2.642.272.470
- Bù trừ thuế TNDN và thuế GTGT theo quyết định hoàn thuế	-	317.059.657

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Tiền lương	55.141.500	54.000.000
Thù lao	432.000.000	-
Cộng	487.141.500	54.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	Cổ đông sở hữu 25,00% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.Home	Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home
Công ty Cổ phần Texnam	Công ty con
Công ty TNHH Golden Vtec	Công ty liên kết

Ngoài các nghiệp vụ đã thuyết minh tại mục VI.01, còn một số các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home		
+ Cho thuê máy móc, thiết bị	510.000.000	312.000.000
+ Mua hàng	403.091.658	3.540.600.000
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.Home		
+ Mua hàng	3.564.165.000	8.505.300.000
Công ty TNHH Golden Vtec		
+ Góp vốn	15.680.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home		
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.252.806.446	5.486.756.446
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.Home		
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.123.754.885	1.998.754.885
Công ty TNHH Golden Vtec		
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.320.000.000	-
Cộng nợ phải thu	21.696.561.331	7.485.511.331

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất bông, dệt, chăn và gia công hàng may mặc;
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại bông, dệt, ruột chăn, ruột gối.
- Lĩnh vực 3: Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, máy móc.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Cộng
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	115.994.439.226	19.967.960.540	1.474.931.358	137.437.331.124
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	109.365.094.445	19.517.824.377	1.140.332.033	130.023.250.855
Lợi nhuận từ hoạt động KD	6.629.344.781	450.136.163	334.599.325	7.414.080.269
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	861.956.669	148.382.258	10.960.240	1.021.299.167
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.158.246.429	1.232.262.367	91.020.933	8.481.529.729
Số dư tại ngày 30/6/2016				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	269.432.680.076	57.587.735.032	3.547.544.511	330.567.959.618
Tài sản không phân bổ				38.366.441.699
Tổng tài sản	269.432.680.076	57.587.735.032	3.547.544.511	368.934.401.317
Nợ phải trả bộ phận	173.620.999.616	37.109.233.071	2.286.018.994	213.016.251.681
Nợ phải trả không phân bổ				988.494.766
Tổng nợ phải trả	173.620.999.616	37.109.233.071	2.286.018.994	214.004.746.447

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Cộng
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	86.397.272.765	44.671.968.878	5.757.647.678	136.826.889.321
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	80.780.338.935	42.710.897.427	6.093.136.315	129.584.372.677
Lợi nhuận từ hoạt động KD	5.616.933.830	1.961.071.451	(335.488.637)	7.242.516.644
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.456.306.470	1.787.093.621	230.333.601	5.473.733.692
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.823.242.865	280.511.091	36.154.306	5.139.908.262
Số dư tại ngày 30/6/2015				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	203.457.943.832	64.043.196.212	4.629.554.355	272.130.694.399
Tài sản không phân bổ				39.557.326.539
Tổng tài sản	203.457.943.832	64.043.196.212	4.629.554.355	311.688.020.938
Nợ phải trả bộ phận	129.883.676.727	67.156.744.406	9.325.511.509	206.365.932.642
Nợ phải trả không phân bổ				346.271.562
Tổng nợ phải trả	129.883.676.727	67.156.744.406	9.325.511.509	206.712.204.204

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Khu vực địa lý:

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Trong lãnh thổ Việt Nam;
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam.
-

	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	125.252.058.181	12.185.272.943	137.437.331.124
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	301.259.613.907	29.308.345.711	330.567.959.618
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	930.750.195	90.548.972	1.021.299.167
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	121.285.321.699	15.541.567.622	136.826.889.321
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	241.220.559.629	30.910.134.770	272.130.694.399
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	4.851.996.234	621.737.458	5.473.733.692

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.407.203.143	-	816.948.157	-	1.407.203.143	816.948.157
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.253.318.969	-	95.109.856.373	-	84.253.318.969	95.109.856.373
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	88.660.522.112	-	98.926.804.530	-	88.660.522.112	98.926.804.530

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	24.851.763.405	22.595.485.838	24.851.763.405	22.595.485.838
Vay và nợ	171.856.708.444	181.263.527.870	171.856.708.444	181.263.527.870
Chi phí phải trả	722.704.459	274.057.103	722.704.459	274.057.103
Các khoản phải trả khác	4.320.000.000	-	4.320.000.000	-
Cộng	201.751.176.308	204.133.070.811	201.751.176.308	204.133.070.811

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	24.851.763.405	-	-	24.851.763.405
Vay và nợ	136.784.076.790	35.072.631.654	-	171.856.708.444
Chi phí phải trả	722.704.459	-	-	722.704.459
Các khoản phải trả khác	4.320.000.000	-	-	4.320.000.000
Cộng	166.678.544.654	35.072.631.654	-	201.751.176.308
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	22.595.485.838	-	-	22.595.485.838
Vay và nợ	137.677.466.116	43.586.061.754	-	181.263.527.870
Chi phí phải trả	274.057.103	-	-	274.057.103
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	160.547.009.057	43.586.061.754	-	204.133.070.811

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Đường Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

1 thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Thông tin về hoạt động liên tục

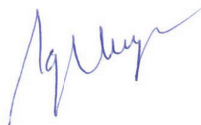
Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trinh Thị Luân

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Hách